

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Năng lượng và Môi trường VICEM

Ngày 30/09/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.4%	6.7%	5.8%

DT thuần Q3/25
363
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 97.0 36.3%
YoY: ▲ 17.0 4.8%

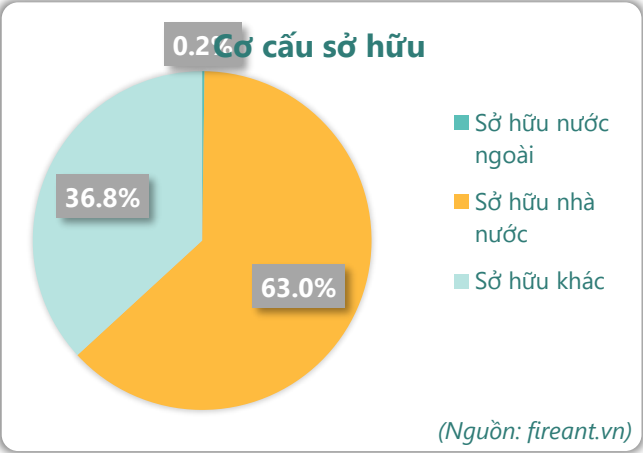
LN thuần Q3/25
0.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.20 190%
YoY: ▲ 2.88 125%

LN sau thuế Q3/25
0.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.33 -81.9%
YoY: ▲ 2.56 103%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
1.5%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM) Q3/25
0.7%
YoY: +/-▲ 0.6%

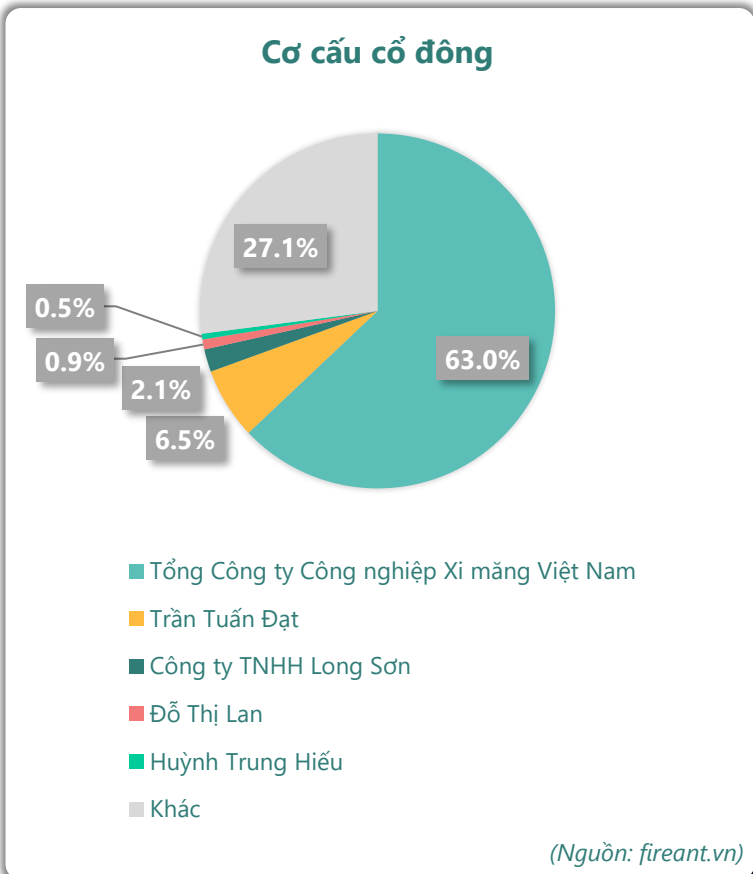
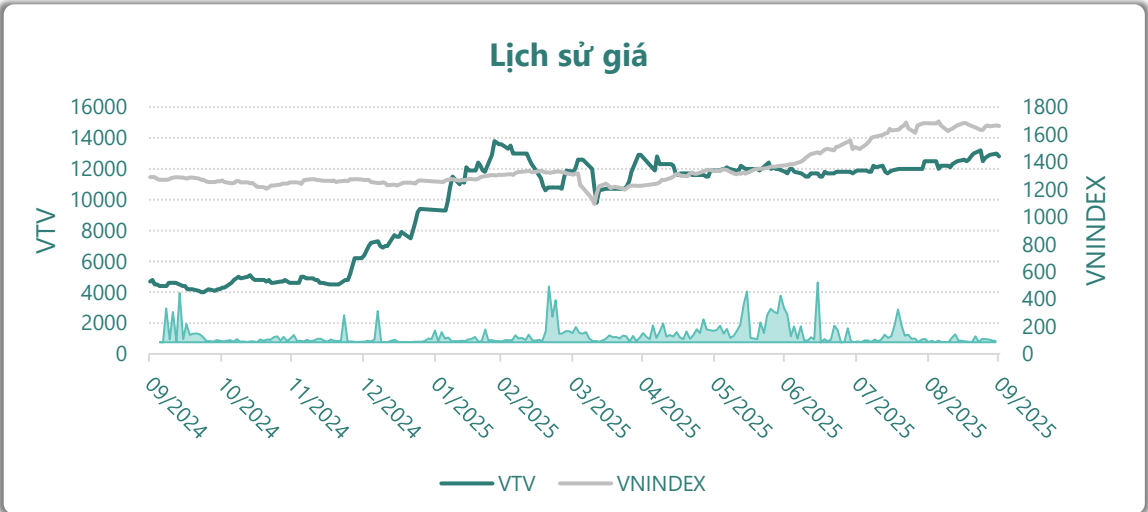
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,000 - 13,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	399
Số lượng CPLH (CP)	31,199,825
KLGD BQ 20 phiên (CP)	154,090
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.13
EPS	83
P/E	154.6



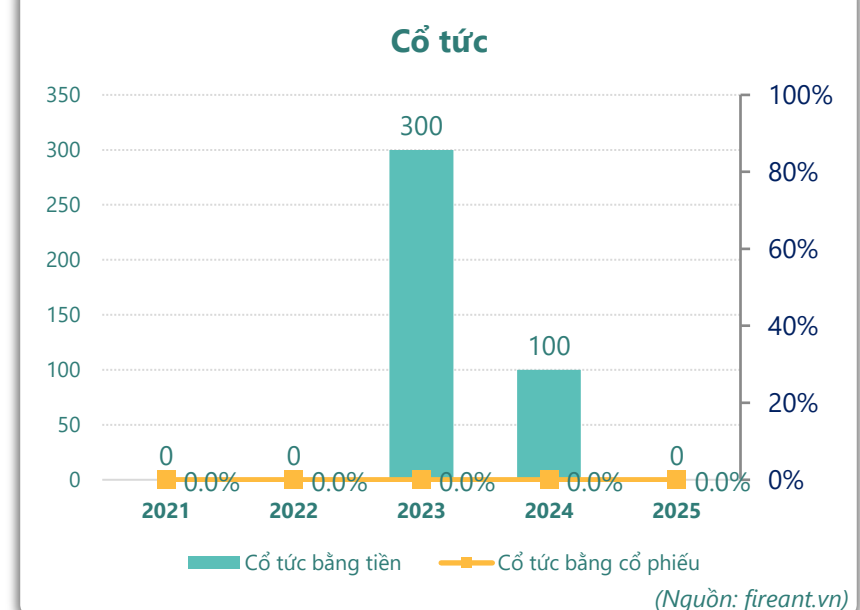
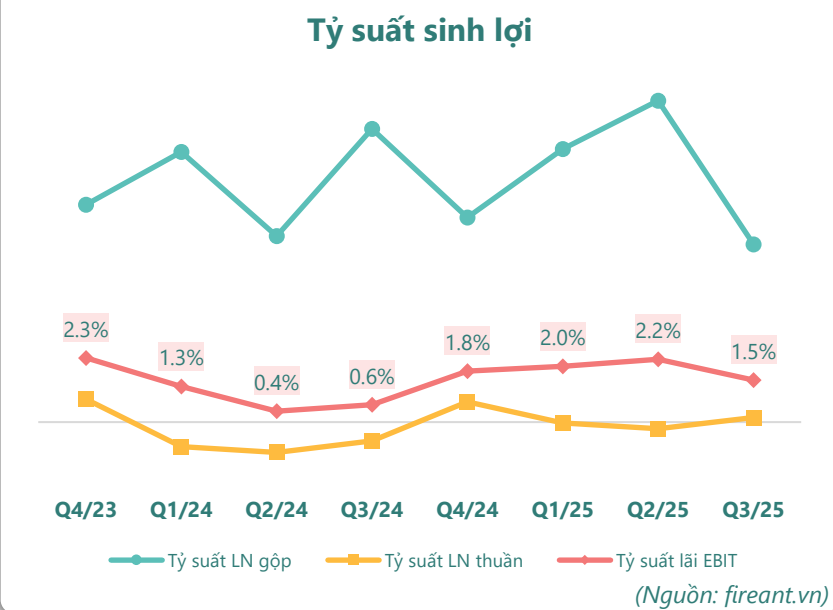
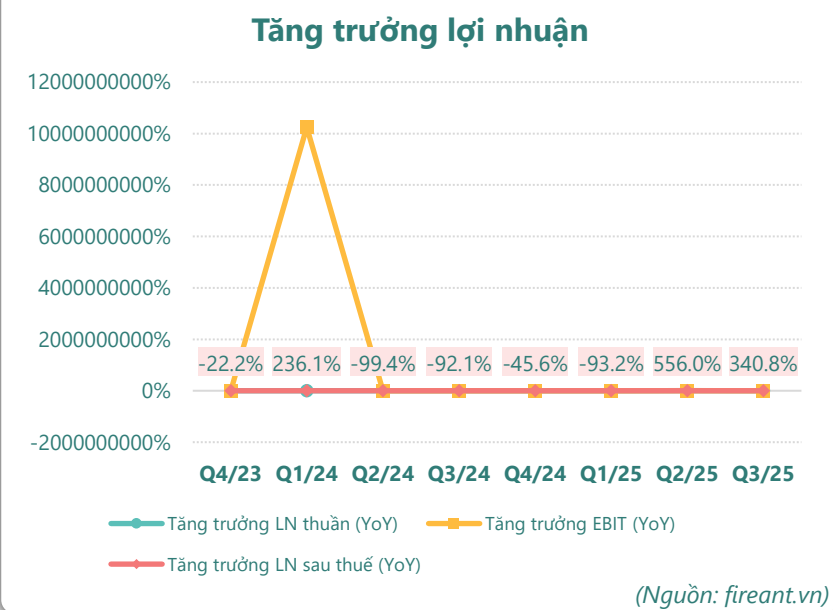
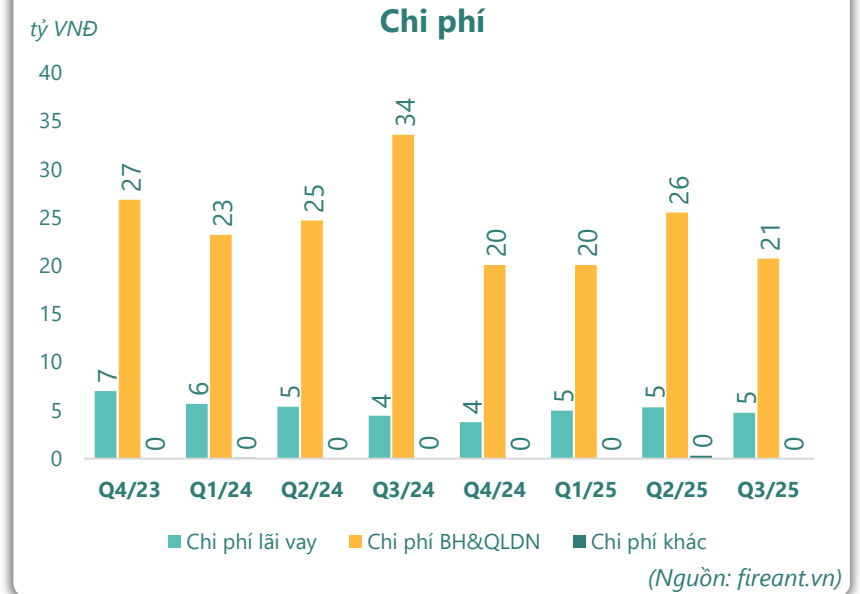
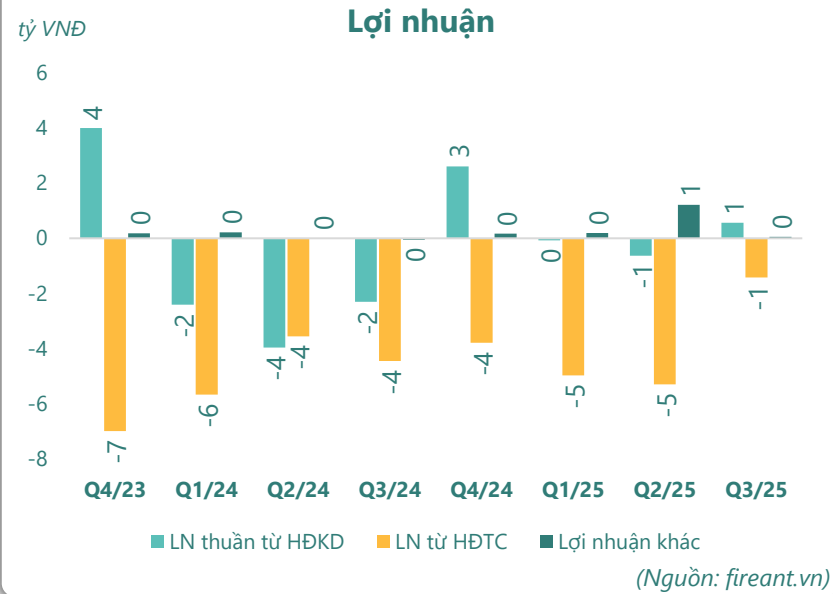
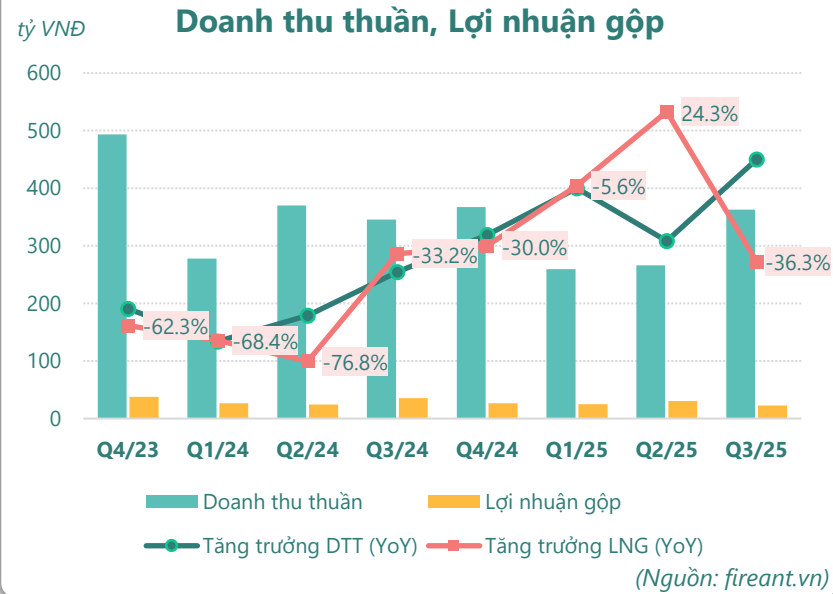
DT thuần 9T 2025
888
tỷ VNĐ
YoY: ▼105 -10.6%

LN thuần 9T 2025
-0.14
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.54 98.4%

LN sau thuế 9T 2025
0.56
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.57 106%



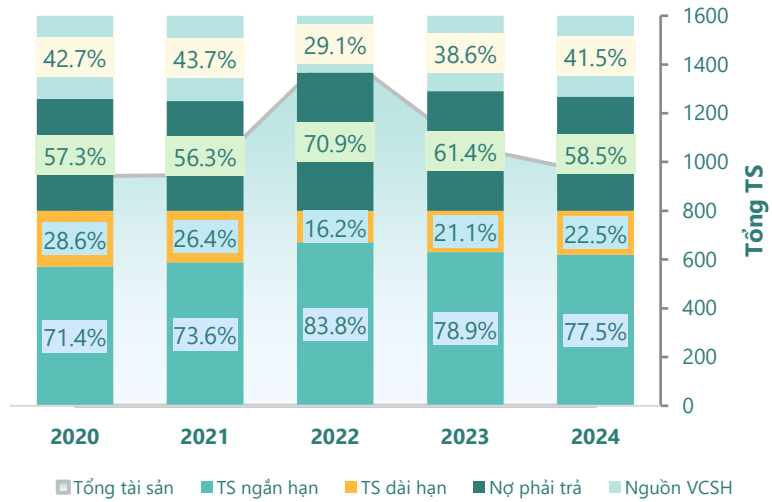
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

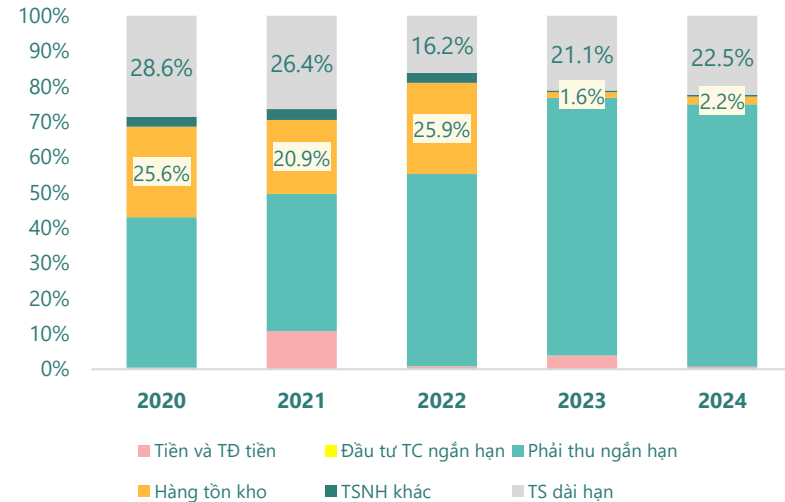
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

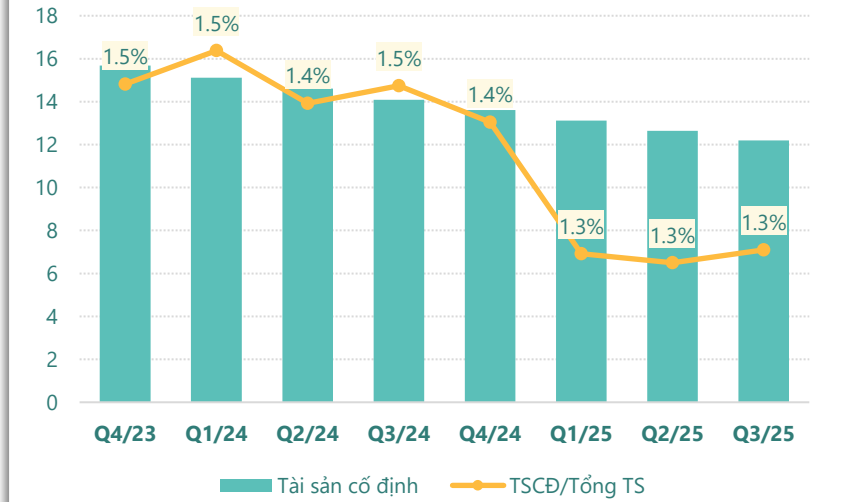
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

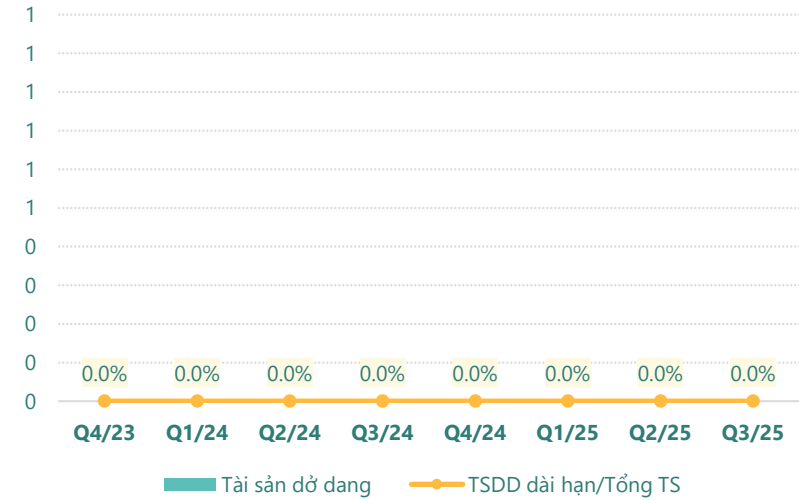
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

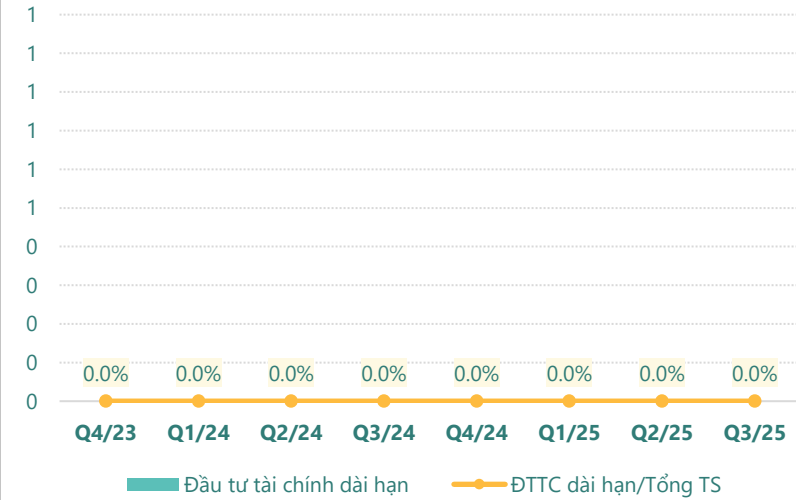
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

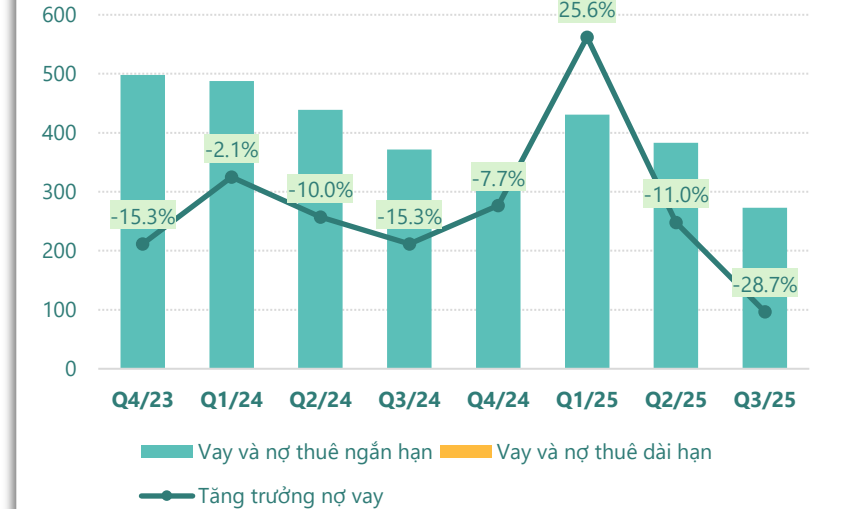
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

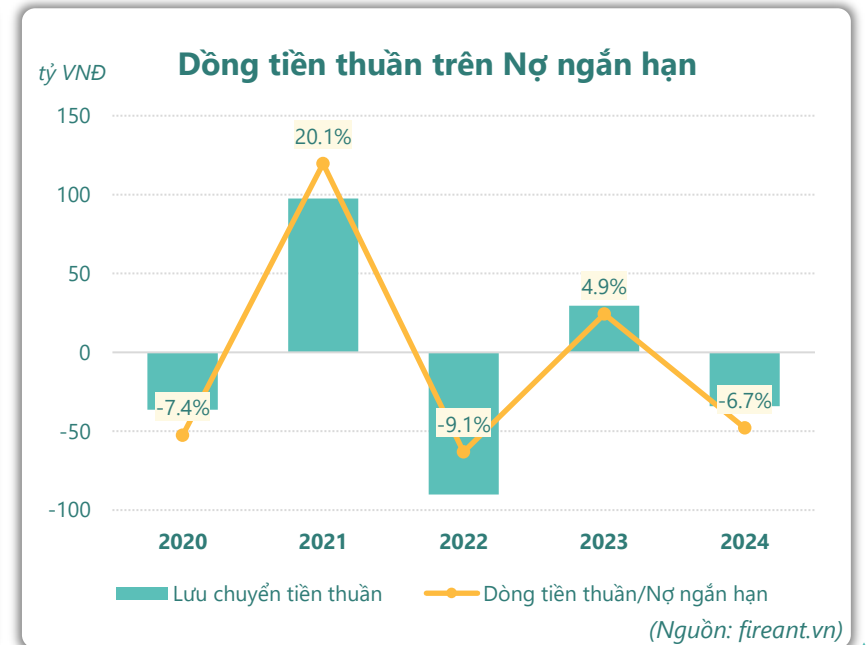
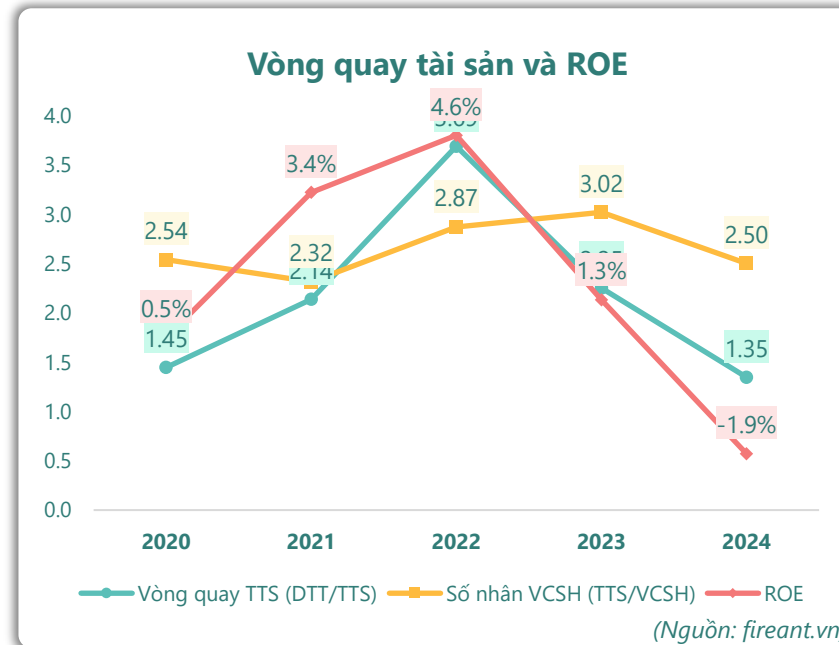
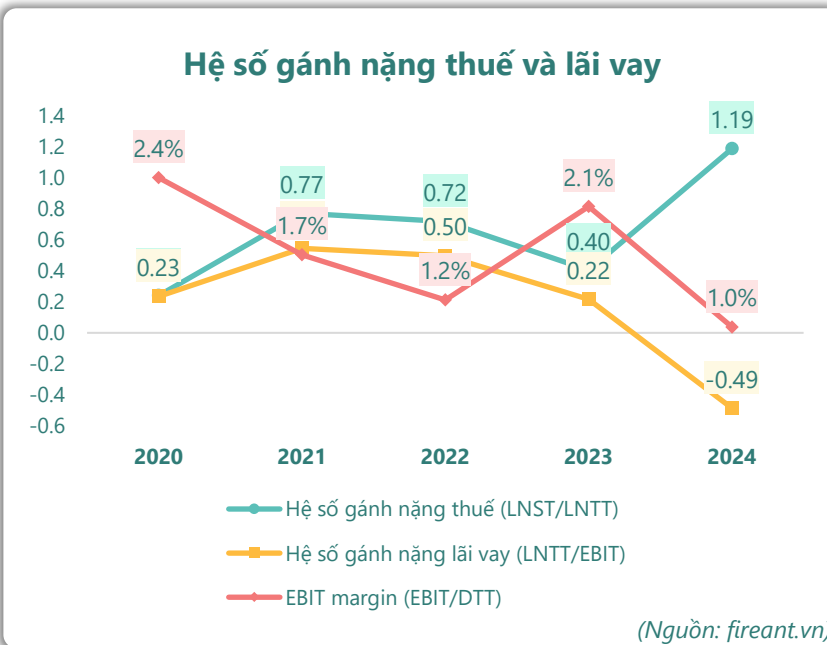
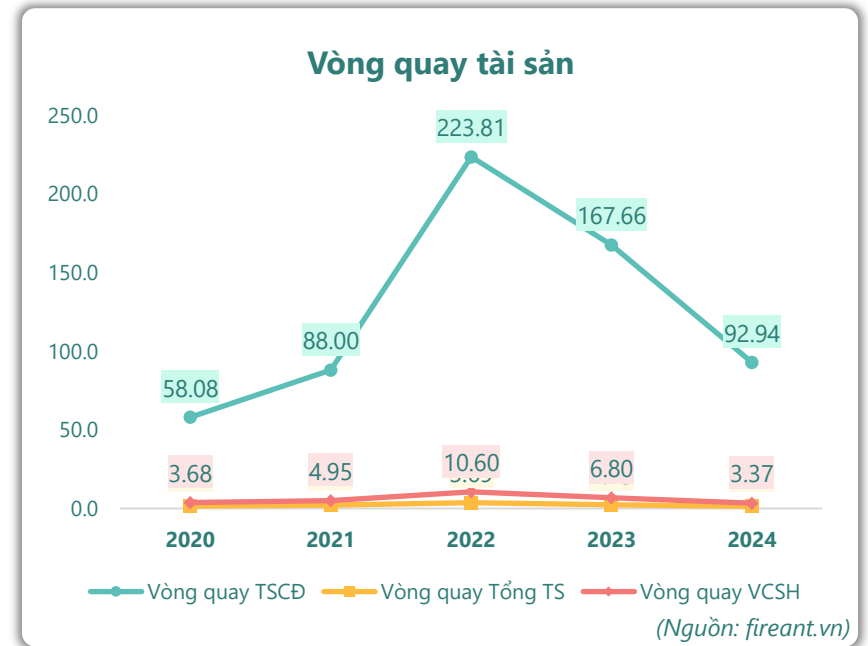
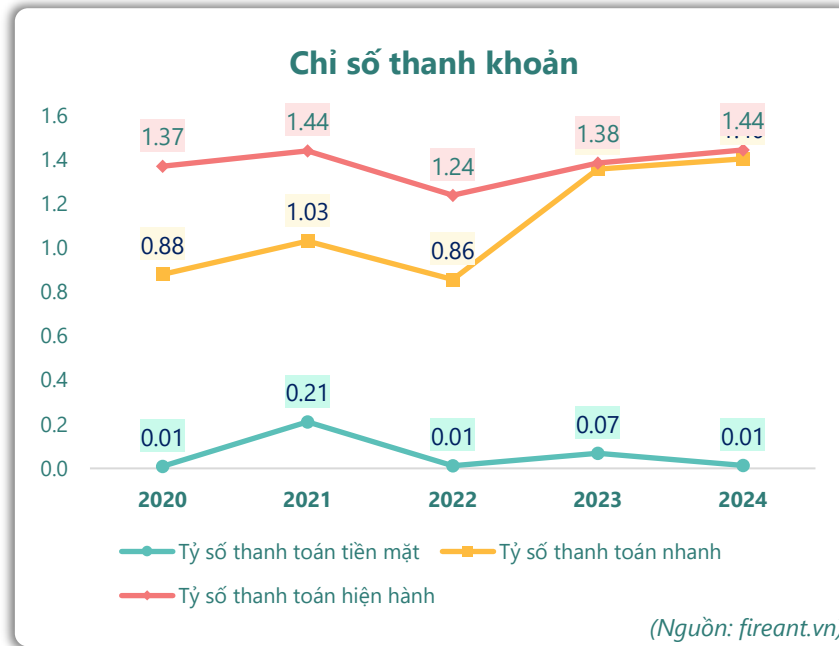
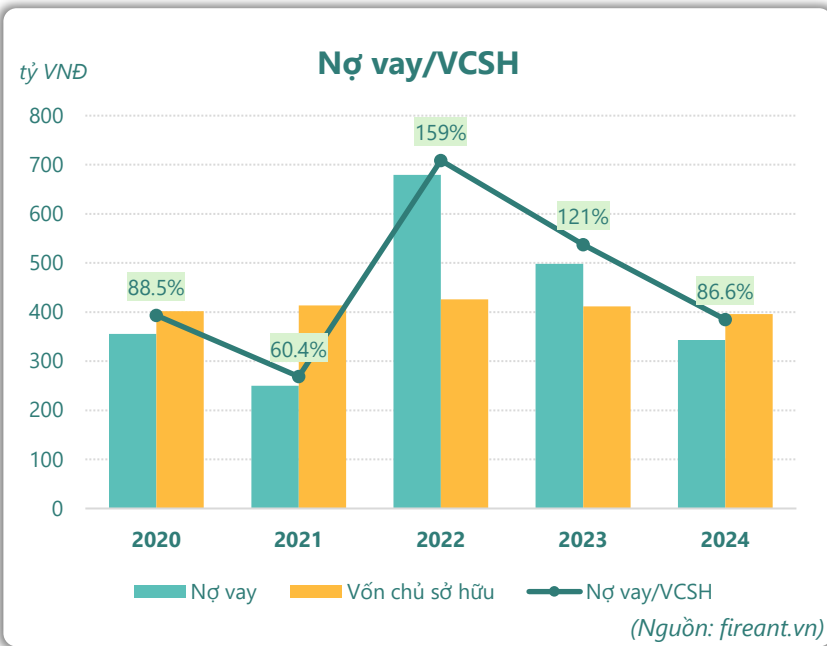
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	363	346	4.8%	888	993	-10.6%
Giá vốn hàng bán	340	310	9.6%	810	907	-10.6%
Lợi nhuận gộp	22.8	35.8	-36.4%	78.0	86.5	-9.9%
Doanh thu HĐTC	3.34	0.00		3.36	1.83	83.5%
Chi phí TC	4.76	4.46	6.8%	15.1	15.5	-2.9%
Chi phí lãi vay	4.76	4.46	6.8%	15.1	15.5	-2.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	14.1	27.4	-48.6%	48.3	58.8	-17.9%
Chi phí QLDN	6.68	6.23	7.3%	18.1	22.7	-20.3%
LN thuần từ HĐKD	0.57	-2.31	125%	-0.14	-8.68	98.4%
Lợi nhuận khác	0.06	-0.05	215%	1.47	0.17	756%
LN trước thuế	0.63	-2.36	127%	1.33	-8.51	116%
Lợi nhuận sau thuế	0.07	-2.49	103%	0.56	-9.01	106%
LNST của CĐ cty mẹ	0.07	-2.49	103%	0.56	-9.01	106%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	91.0	19.7	33.5	-73.9	81.4	97.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.00	0.01	0.00	0.02	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.8	-67.2	-31.8	87.7	-47.6	-110
Tiền đầu kỳ	10.8	52.9	5.39	7.17	20.9	54.7
Lưu chuyển tiền thuần	42.2	-47.5	1.78	13.8	33.8	-13.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	52.9	5.39	7.17	20.9	54.7	41.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	955	954	0.1%
Tài sản ngắn hạn	749	740	1.2%
Tiền và tương đương tiền	41.7	7.17	482%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	645	708	-8.9%
Hàng tồn kho	57.2	20.6	177%
Tài sản ngắn hạn khác	4.53	3.72	21.9%
Tài sản dài hạn	206	214	-3.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.2	13.6	-10.3%
Bất động sản đầu tư	194	201	-3.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	558	558	0.1%
Nợ ngắn hạn	514	512	0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	273	343	-20.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	226	141	60.7%
Nợ dài hạn	44.4	45.7	-2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	397	396	0.1%
Vốn chủ sở hữu	397	396	0.1%
Vốn điều lệ	312	312	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

